

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-PT
Ngày 31/3/2021.
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Vinh.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Sâm.

Ông Đinh Huy Lưỡng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*
Ông Tạ Đức Vọng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 15 và 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2021/QĐPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị L: Ông Lương Văn C, sinh năm 1939; địa chỉ: Phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

+ ***Bị đơn:*** Anh Trần Ngọc S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà 222, phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Ngọc S: Chị Đinh Thị Bảo Y, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số nhà 222, phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

+ ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Chị Đinh Thị Bảo Y, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 222, phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

+ ***Người kháng cáo:*** Bị đơn anh Trần Ngọc S.

Tại phiên tòa có mặt: Chị Nguyễn Thị L, anh Trần Ngọc S, ông Lương Văn C, chị Đinh Thị Bảo Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Giữa chị và anh Trần Ngọc S có mối quan hệ bạn bè quen biết nên ngày 13/7/2014 anh Trần Ngọc S có hỏi vay chị số tiền 200.000.000 đồng và chị đã đồng ý. Khi vay hai bên có làm giấy viết tay và thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng bằng lãi suất Ngân hàng, khi nào cần thì chị báo trước cho anh Trần Ngọc S một tháng. Tuy nhiên giấy vay tiền chị đã làm mất. Đến ngày 18/8/2014 anh Trần Ngọc S lại tiếp tục điện thoại hỏi vay chị số tiền 100.000.000 đồng, chị đã đồng ý và chuyển số tiền 100.000.000 đồng qua tài khoản Ngân hàng cho anh Trần Ngọc S, cũng thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng bằng lãi suất Ngân hàng, khi nào cần thì chị báo trước cho anh Trần Ngọc S một tháng. Như vậy, tổng cộng anh Trần Ngọc S vay chị 300.000.000 đồng. Do thời gian hai khoản vay gần nhau nên chị bắt đầu tính lãi cả hai khoản vay từ ngày 18/8/2014. Tính đến tháng 01 năm 2019, anh Trần Ngọc S đã chuyển trả cho chị số tiền lãi tổng cộng là 126.350.000 đồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng chị chuyển qua tài khoản cho anh Trần Ngọc S ngày 08/10/2014 là tiền chị nhờ anh Trần Ngọc S chuyển hộ cho chị vào Công ty T, vì khi đó chị và anh Trần Ngọc S đang làm cùng công ty chứ không phải tiền chị chuyển khoản cho anh Trần Ngọc S vay. Chị yêu cầu anh Trần Ngọc S phải trả cho chị tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 18/8/2014 đến khi nào Tòa án giải quyết xong vụ án, đối trừ đi số tiền lãi anh Trần Ngọc S đã trả là 126.350.000 đồng.

Quá trình giải quyết tại Cơ quan Điều tra công an huyện G và tại bản tự khai ngày 16/12/2019, Biên bản hòa giải và Biên bản hoà giải thành ngày 11/02/2020 tại Tòa án, anh Trần Ngọc S trình bày: Anh có vay của chị Nguyễn Thị L tổng số tiền là 300.000.000 đồng, vay làm 02 lần một lần trực tiếp vay 200.000.000 đồng, 01 lần vay chuyển qua tài khoản ngân hàng là 100.000.000 đồng và có thỏa thuận tính lãi suất và hàng tháng anh có chuyển trả tiền lãi là 3.000.000 đồng/tháng qua tài khoản cho chị Nguyễn Thị L. Tại biên bản hòa giải thành ngày 11/02/2020, anh đồng ý sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền đã vay cho chị Nguyễn Thị L số tiền gốc là 300.000.000 đồng; tiền lãi tính tới thời điểm lập biên bản còn nợ là 60.000.000 đồng. Tổng số tiền anh phải có trách nhiệm trả nợ cho chị Nguyễn Thị L cả gốc và lãi là 360.000.000 đồng. Phương thức trả nợ như sau: Tới ngày 31/5/2020 anh Trần Ngọc S có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền cả gốc và lãi là 180.000.000 đồng. Tới ngày 31/8/2020: Anh Trần Ngọc S có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền cả gốc và lãi là 180.000.000 đồng. Đến ngày 14/02/2020 anh Trần Ngọc S có đơn đề nghị thay đổi quan điểm đã thỏa thuận trong Biên bản hoà giải thành ngày 11/02/2020, không thừa nhận vay của chị Nguyễn Thị L 200.000.000 đồng ngày 13/7/2014, không đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị L tổng số tiền 360.000.000 đồng, không lên Tòa án làm việc nữa, không tham gia đối chất dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần. Sau đó anh Trần Ngọc S ủy quyền cho vợ là chị Đinh Thị Bảo Y tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai ngày 31/7/2020, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn chị Đinh Thị Bảo Y trình bày: Anh Trần Ngọc S có vay tiền của chị Nguyễn Thị L 2 lần nhưng đều chuyển khoản qua tài khoản của anh Trần Ngọc S; một lần chuyển 100.000.000 đồng vào ngày 18/8/2014 và một lần chuyển 10.000.000 đồng vào ngày 08/10/2014. Việc vay nợ không thoả thuận lãi suất, chỉ chuyển khoản thông thường qua tài khoản ngân hàng, không viết giấy tờ gì với nhau. Chị Nguyễn Thị L trình bày anh Trần Ngọc S vay trực tiếp chị 200.000.000 đồng và có viết giấy tờ, có thoả thuận lãi sau đó chị Nguyễn Thị L làm mất giấy vay nợ chị không chấp nhận. Thời điểm anh Trần Ngọc S vay tiền của chị Nguyễn Thị L trước khi chị và anh Trần Ngọc S kết hôn với nhau, sau khi kết hôn với anh Trần Ngọc S thì anh Trần Ngọc S có nói cho chị biết đang nợ chị Nguyễn Thị L tổng số tiền là 110.000.000 đồng. Sau đó chị cùng anh Trần Ngọc S nhiều lần chuyển khoản qua Ngân hàng trả nợ cho chị Nguyễn Thị L, số tiền đã trả cho chị Nguyễn Thị L là 126.350.000 đồng. Do trả làm nhiều lần và đều chuyển khoản qua Ngân hàng nên chị và anh Trần Ngọc S không nhớ đã trả tổng cộng bao nhiêu do đó đã trả vượt quá số tiền anh Trần Ngọc S vay chị Nguyễn Thị L nên đã dừng lại không trả cho chị Nguyễn Thị L nữa. Tiền đã trả cho chị Nguyễn Thị L là tiền chung của vợ chồng. Nhiều lần chị Nguyễn Thị L đến gia đình chị đòi tiền và có lần anh Trần Ngọc S đã trả trực tiếp tiền mặt cho chị Nguyễn Thị L, có lần chị cũng trả trực tiếp tiền mặt cho chị Nguyễn Thị L nhưng đến nay chị không có tài liệu chứng minh nên chị thừa nhận không có việc trả nợ tiền mặt trực tiếp cho chị Nguyễn Thị L. Đối với số tiền trả vượt quá số tiền đã vay của chị Nguyễn Thị L chị cũng không đề nghị chị Nguyễn Thị L phải trả lại. Nay chị Nguyễn Thị L yêu cầu anh Trần Ngọc S phải trả tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng cùng tiền lãi đến khi giải quyết xong vụ án (sau khi đã trừ đi số tiền lãi anh Trần Ngọc S đã trả 126.350.000 đồng nêu trên), chị không chấp nhận vì thực tế anh Trần Ngọc S chỉ vay chị Nguyễn Thị L 110.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng của anh Trần Ngọc S và đã trả hết nợ cho chị Nguyễn Thị L.

Người làm chứng là anh Nguyễn Anh Sơn trình bày:

Trước đây tôi và anh Trần Ngọc S chơi rất thân với nhau và qua anh Trần Ngọc S tôi mới biết và chơi với chị Nguyễn Thị L. Trước đây (do thời điểm lâu rồi tôi không nhớ rõ), anh Trần Ngọc S có rủ tôi cùng lên Hà Nội chỗ chị Nguyễn Thị L ở trọ để anh Trần Ngọc S vay tiền của chị Nguyễn Thị L và tôi đồng ý đi cùng với anh Trần Ngọc S. Sau đó anh Trần Ngọc S chở bằng xe máy đến phòng trọ của chị Nguyễn Thị L ở Hà Nội để gặp chị Nguyễn Thị L. Tại đây anh Trần Ngọc S có đặt vấn đề vay chị Nguyễn Thị L 200.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị L đồng ý. Sau đó hai bên có viết giấy vay số tiền 200.000.000 đồng lãi suất 1%/tháng. Việc chị Nguyễn Thị L giao tiền cho anh Trần Ngọc S như thế nào thì tôi không chứng kiến. Sau đó tôi và anh Trần Ngọc S có ngủ lại tại phòng trọ của chị Nguyễn Thị L đến sáng hôm sau thì hai anh em về. Tôi không rõ anh Trần Ngọc S để tiền ở người hay trong cốp xe máy. Việc này vợ tôi là Bùi Thị Thuỷ có biết vì trước khi cùng anh Trần Ngọc S lên Hà Nội tôi có nói cho vợ biết và đồng ý cho

đi cùng với anh Trần Ngọc S. Khi về nhà tôi cũng nói chuyện với vợ là anh Trần Ngọc S có vay được tiền của chị Nguyễn Thị L nên thấy vui lắm. Đó là toàn bộ những gì tôi biết và tôi cam đoan đã khai đúng những gì mình biết, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người làm chứng là chị Bùi Thị T trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị L là bạn bè chơi với nhau đã lâu thông qua anh Trần Ngọc S. Do chỗ quen biết và chơi thân với nhau nên năm 2014 anh Trần Ngọc S đến nhà tôi để rủ chồng tôi đi cùng lên Hà Nội để anh Trần Ngọc S vay tiền của chị Nguyễn Thị L, tôi đồng ý để chồng tôi đi cùng anh Trần Ngọc S. Sau đó chồng tôi về nói chuyện là anh Trần Ngọc S đã vay được của chị Nguyễn Thị L 200.000.000 đồng tiền mặt. Sau một thời gian anh Trần Ngọc S lại vay của chị Nguyễn Thị L 100.000.000 đồng, việc này tôi không chứng kiến nhưng có nghe anh Nguyễn Anh Sơn và chị Nguyễn Thị L kể lại cho tôi biết. Cũng có lần trực tiếp anh Trần Ngọc S nói với tôi là vay tiền của chị Nguyễn Thị L (lần vay 200.000.000 đồng) để trả nợ hộ cho anh trai chị H – là em dâu anh Trần Ngọc S. Giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Ngọc S có viết giấy tờ với nhau không, có tính lãi với nhau như thế nào thì tôi không được biết. Đến năm 2018, chị Nguyễn Thị L đã nhiều lần nhờ tôi đi cùng đến nhà anh Trần Ngọc S để yêu cầu anh Trần Ngọc S trả nợ. Tất cả những lần đó anh Trần Ngọc S đều tìm cách thoái thác, không trả tiền cho chị Nguyễn Thị L. Khi chị Nguyễn Thị L đến đòi tiền thì anh Trần Ngọc S có thừa nhận vay của chị Nguyễn Thị L 300.000.000 đồng nhưng hiện tại chưa có tiền trả cho chị Nguyễn Thị L. Những lần cùng chị Nguyễn Thị L đến nhà anh Trần Ngọc S đòi tiền tôi chưa thấy lần nào anh Trần Ngọc S hay chị vợ anh Trần Ngọc S trả cho chị Nguyễn Thị L bất cứ một khoản tiền mặt nào cả. Đó là toàn bộ những gì tôi biết và tôi cam đoan đã khai đúng những gì mình biết, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người làm chứng là anh Đinh Duy N trình bày:

Ngày 21/9/2015 tôi được anh Trần Ngọc S đưa cho số tiền là 10.000.000 đồng để nhờ tôi chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị L và tôi đã chuyển đủ qua tài khoản cho chị Nguyễn Thị L số tiền là 10.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 15 và 16 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện G đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Buộc anh Trần Ngọc S phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị L tổng số tiền gốc đã vay và lãi phát sinh là 360.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh chưa trả kể từ tháng 02/2019 đến hết tháng 09/2020 là 60.000.000 đồng. Đối với khoản tiền nợ gốc 300.000.000 đồng được tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng trên nợ gốc, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi anh Trần Ngọc S thanh toán xong nợ gốc cho chị Nguyễn Thị L.

2. Về án phí: Buộc anh Trần Ngọc S phải nộp số tiền 18.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; trả lại chị Nguyễn Thị L số tiền 9.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2013/0001327 ngày 04/12/2019.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/10/2020 anh Trần Ngọc S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: Việc xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ của Tòa án không khách quan, không dựa trên bằng chứng thực tế mà dựa trên lời khai trước đó của anh tại cơ quan pháp luật. Trước và trong thời gian đó sức khỏe của anh không đảm bảo nên khi làm việc anh luôn căng thẳng, run sợ. Khi lên Tòa án làm việc tâm lý căng thẳng, lo sợ, gặp cô Nguyễn Thị L lớn tiếng quát tháo nên càng hoảng sợ nên đã ký vào biên bản hòa giải thành. Tại phiên tòa sơ thẩm chưa làm rõ số tiền cô Nguyễn Thị L cho vay là tài sản chung hay tài sản riêng vì thời điểm đó cô Nguyễn Thị L chưa ly hôn, nếu không làm rõ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đồng thời là người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Trần Ngọc S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 15 và 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G. Anh Trần Ngọc S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của anh Trần Ngọc S được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Ngọc S nhận thấy:

[2.1] Ngày 20/8/2019, Công an huyện G đã mời anh Trần Ngọc S đến trụ sở để làm việc, tại buổi làm việc cán bộ Công an huyện G có hỏi về tình hình sức khỏe hiện tại thế nào, có đủ tinh táo để làm việc không thì anh Trần Ngọc S trình bày hiện tại sức khỏe bình thường, đủ tinh táo minh mẫn để làm việc với cơ quan

Công an. Như vậy, khi làm việc với Công an huyện G sức khỏe của anh Trần Ngọc S bình thường, tỉnh táo, minh mẫn.

[2.2] Trong thời gian làm việc tại Công an huyện G từ 9 giờ đến 10 giờ 30 phút ngày 20/8/2019, cán bộ công an huyện chỉ hỏi anh Trần Ngọc S về mối quan hệ giữa anh với chị Nguyễn Thị L, có vay tiền của chị Nguyễn Thị L không, số tiền bao nhiêu, khi vay có viết giấy tờ gì không, mục đích vay tiền để làm gì, việc trả nợ ra sao, lý do chưa trả, giải quyết số tiền đã vay như thế nào; không có nội dung nào thể hiện Công an huyện G đe dọa, ép buộc hay có những câu hỏi làm cho anh bị căng thẳng, run sợ. Việc anh Trần Ngọc S kháng cáo cho rằng khi làm việc với cơ quan điều tra anh luôn căng thẳng, run sợ là không có căn cứ.

[2.3] Ngày 04/12/2019, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý vụ án đến ngày 16/12/2019, anh Trần Ngọc S tự viết bản tự khai nộp cho Tòa án. Ngày 11/02/2020, Tòa án huyện G mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh Trần Ngọc S đều có mặt và không giao nộp tài liệu gì hoặc thông báo cho Tòa án biết về việc sức khỏe của anh không đảm bảo, không thể làm việc được. Tại phiên hòa giải anh Trần Ngọc S và chị Nguyễn Thị L đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc anh Trần Ngọc S kháng cáo cho rằng khi lên làm việc với Tòa án sức khỏe của anh không đảm bảo nên khi làm việc anh luôn căng thẳng, run sợ, gặp chị Nguyễn Thị L lớn tiếng quát tháo nên càng hoảng sợ đã ký vào biên bản hòa giải thành là không có căn cứ.

[2.4] Trong quá trình làm việc với Công an huyện G và tại Tòa án nhân dân huyện G anh Trần Ngọc S đều xác nhận có vay của chị Nguyễn Thị L tổng số tiền là 300.000.000 đồng. Việc xác nhận của anh Trần Ngọc S là nhiều lần, ở nhiều thời điểm khác nhau, phù hợp cả về số lần vay, tổng số tiền gốc, mức lãi suất như người khởi kiện đã yêu cầu và trong khi hoàn toàn khỏe mạnh, tỉnh táo, không bị ép buộc. Quá trình giải quyết vụ án cả anh Trần Ngọc S và chị Nguyễn Thị L đều xác nhận lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng và tổng số tiền lãi anh Trần Ngọc S đã trả cho chị Nguyễn Thị L là 126.350.000đ. Đối chiếu với các lần trả nợ nhận thấy anh Trần Ngọc S nhiều lần liên tục trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 3.000.000đ; số tiền này tương ứng với mức lãi xuất 1%/tháng của số tiền gốc 300.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ khách quan, toàn diện từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, buộc anh Trần Ngọc S có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị L tổng số tiền 360.000.000đ là có căn cứ.

[2.5] Ngày 16/10/2015, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Thắng đã được Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Hải Dương Quyết định công nhận thuận tình ly hôn, không có ý kiến gì về phần tài sản chung và công nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị L khai số tiền chị cho anh Trần Ngọc S vay là tài sản của riêng chị và cũng không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện số tiền chị Nguyễn Thị L cho anh Trần Ngọc S vay là tài sản chung của chị với chồng cũ là anh Nguyễn Văn Thắng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền chị Nguyễn Thị L đã cho anh

Trần Ngọc S vay thuộc quyền sở hữu của cá nhân chị Nguyễn Thị L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.6] Tại cấp phúc thẩm, anh Trần Ngọc S không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của anh Trần Ngọc S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 15 và ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Trần Ngọc S không được chấp nhận nên anh Trần Ngọc S phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Ngọc S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 15 và ngày 16/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện G.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Ngọc S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0000157, ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN THAM GIA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Huy Lương

Trần Thị Sâm

Tạ Văn Vinh